TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-PT
Ngày: 09/4/2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vi Thị Yến - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLPT-DS ngày 07/02/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Châu A, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị Bé G, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Ngũ P, huyện Q, tỉnh Bình Thuận

- *Bị đơn*: Ông Trần S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Q, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà Tuyền: Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Bình Hưng, thanh phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Châu A trình bày:* Ngày 18/3/2022 gia đình ông Trần S vay của gia đình ông số tiền là 500.000.000 đồng để xử lý tiền hàng hóa, khi vay hai bên thỏa thuận trong thời hạn là một tháng ông S sẽ hoàn trả lại số tiền gốc và lãi. Số tiền này đã được ông chuyển khoản 02 lần vào tài khoản agribank của ông Trần S (gồm lệnh chuyển khoản 450.000.000 đồng và 50.000.000 đồng). Đến ngày 08/4/2022, gia đình ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục vay của gia đình ông thêm số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 ngày sẽ trả lại. Do chỗ quen biết và tin tưởng nên gia đình ông đã cho gia đình ông S vay để có tiền xoay sở và không yêu cầu làm giấy vay tiền mà chỉ có xác nhận bằng tin nhắn điện thoại.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng thì gia đình ông S đã thanh toán cho gia đình ông nhưng vẫn chưa thanh toán số tiền 400.000.000 đồng. Mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông Trần S trả lại số tiền 400.000.000 đồng đã mượn nhưng ông S từ chối không chịu trả. Ngày 03/6/2022, khi ông nhắn tin thì vợ của ông S là bà Nguyễn Thị Ngọc T nói để khi nào có thì trả. Do đó, vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ ngày 03/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng với lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền là 86.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 486.000.000 đồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:* Vợ chồng ông, bà không có vay tiền của ông Nguyễn Châu A và bà Huỳnh Thị Bé G. Lúc trước, ông Huỳnh Văn T có vay của vợ chồng ông số tiền 1.870.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông yêu cầu ông Huỳnh Văn T thanh toán thì ông Huỳnh Văn T mượn tiền trong thẻ của ông Nguyễn Châu A chuyển qua thẻ của ông Trần S số tiền 400.000.000 đồng. Nay, ông Nguyễn Châu A yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 400.000.000 đồng vợ chồng ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để trình bày và tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quý đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Châu A và bà Huỳnh Thị Bé G số tiền 486.000.000 (Bốn trăm tám mươi sáu triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2024 ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Quý, không buộc ông S, bà Tuyền phải trả 486.000.000 đồng cho ông Nguyễn Châu A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn đã thanh toán theo chứng từ giao dịch ngày 18/4/2022. Hơn nữa khoản tiền này vay không kỳ hạn và không có lãi nên

nguyên đơn phải có nghĩa vụ báo trước một thời gian hợp lý mới có quyền khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn vay mượn tiền với nhau không làm giấy vay tiền, tuy nhiên căn cứ vào tin nhắn điện thoại từ số điện thoại (0906999722) và ông Trần S (0908621641) với nội dung: "Ngày 08/04/2022 A 2 vay Châu Anh 400 triệu", có xác nhận "ok" (BL 04), bản chi tiết giao dịch lúc 15 giờ 18 phút ngày 08/4/2022 (BL 05) với nội dung giao dịch "NGUYEN CHAU ANH ck Tran Si" và tại bản kê giao dịch do Ngân hàng cung cấp thể hiện ngày 08/4/2022 Nguyễn Châu A đã chuyển khoản cho Trần S số tiền là 400.000.00đồng (BL 78). Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận ngày 08/4/2022, Nguyễn Châu A đã chuyển số tiền 400.000.000đồng cho ông Trần S. Việc ông Trần S cho rằng do ông Huỳnh Văn T1 đang nợ vợ chồng ông số tiền 1.870.000.000 đồng nên ông T1 đã mượn tiền trong thẻ của ông Nguyễn Châu A chuyển qua thẻ của ông Trần S số tiền 400.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ để chứng minh nên lời trình bày của ông S là không có cơ sở để chấp nhận. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán số tiền vay 400.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản, đối với số tiền 500.000.000đồng là một giao dịch khác. Lời trình bày của phía bị đơn là không có căn cứ bởi lẽ theo chứng từ chuyển khoản ngày 18/4/2022 thể hiện ôngTrần S đã chuyển trả cho ông Nguyễn Châu A số tiền là 527.000.000đồng là phù hợp với khoản tiền gốc 500.000.000đòng và tiền lãi như phía nguyên đơn đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đối với việc bà Nguyễn Thị Ngọc T cho rằng bà không vay tiền của ông Nguyễn Châu A, không biết, không tham gia vào việc vay mượn hay làm ăn giữa chồng bà với ông Nguyễn Châu A, Hội đồng xét xử thấy rằng khoản tiền ông S vay mượn của ông Nguyễn Châu A là tương đối lớn và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S và bà Tuyền, mục đích của việc vay mượn là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và tạo ra nguồn thu nhập chung cho gia đình. Vì vậy theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung.

Về lãi suất: Theo các đương sự trình bày thì khi vay tiền các bên chỉ thỏa thuận cho vay tạm trong thời hạn 04 ngày nên các nên không tỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn thì bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên. Theo các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thể hiện, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán và lần cuối cùng là ngày 03/6/2022 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 03/6/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Thời gian yêu cầu trả lãi tính từ ngày 03/6/2022 đến ngày 13/8/2024 là hơn 26 tháng và số tiền lãi phải trả là nhiều hơn

86.000.000đồng như yêu cầu của nguyên đơn nhưng đây là có lợi cho bị đơn và việc nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi như trên là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T trả nợ gốc và tiền lãi cho ông Nguyễn Châu A và bà Huỳnh Thị Bé G là hoàn toàn có căn cứ. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX, kháng cáo của đương sự không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 288, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Châu A và bà Huỳnh Thị Bé D.

Buộc ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Châu A và bà Huỳnh Thị Bé D số tiền gốc là 400.000.000đồng (*Bốn tram triệu đồng*) và 86.000.000 (*Tám mươi sáu triệu đồng*) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần S và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 23.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003593 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quý.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003592 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quý

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/4/2025)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Phú Quý;
- Chi Cục THADS huyện Phú Quý
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Anh Dũng